

THÔNG BÁO
THỜI KHÓA BIỂU KỲ PHỤ ĐỢT 1 HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
Áp dụng cho sinh viên học lần 1, học lại, cải thiện điểm

1. Quy định về thời gian giảng dạy:

*Sáng:	*Chiều:	*Tối:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50	- Tiết 6: 12h30 - 13h20	- Tiết 11: 17h30 - 18h20
- Tiết 2: 07h55 - 08h45	- Tiết 7: 13h25 - 14h15	- Tiết 12: 18h25 - 19h15
- Tiết 3: 08h50 - 09h40	- Tiết 8: 14h20 - 15h10	- Tiết 13: 19h20 - 20h10
- Tiết 4: 09h50 - 10h40	- Tiết 9: 15h20 - 16h10	- Tiết 14: 20h15 - 21h05
- Tiết 5: 10h45 - 11h35	- Tiết 10: 16h15 - 17h05	- Tiết 15: 21h10 - 21h50

2. Quy định về chữ viết tắt:

- LT: Lý thuyết	- TC: Tin chỉ
- TH: Thực hành	- Phòng học A.501: Học tại nhà A - tầng 5 phòng 501
- ĐA: Đồ án	- 1,2,3: Tiết 1,2,3
- TT: Thực tập	

3. Thời khóa biểu:

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
1	Các kỹ thuật phân tích kinh tế	KTKM113	3	Thực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM THỊ NGOAN (15.036.GV); NGUYỄN VŨ MINH HƯƠNG (15.146.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM THỊ NGOAN (15.036.GV); NGUYỄN VŨ MINH HƯƠNG (15.146.GV)	11,12,13	Phòng trực tuyến	11,12	Phòng trực tuyến										
2	Các phương pháp xử lý mẫu phân tích thực phẩm	MTDQ181	3	Thực tuyến	33	7	1	27/10 - 02/11/25	ĐẶNG THANH HUYỀN (12.081.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					0	17	1	03/11 - 09/11/25	ĐẶNG THANH HUYỀN (12.081.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến						
3	Các phương pháp xử lý và phân tích mẫu môi trường	MTDQ114	4	Thực tuyến	40	40	2	13/10 - 26/10/25	TRINH THỊ THÚY (12.041.GVC); MAI VĂN TIẾN (12.044.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
4	Chính sách đất đai	QĐQB104	3	Thực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	TRẦN THỊ THU HOÀI (11.017.GV); PHẠM THỊ QUỲNH ANH (05.001.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	TRẦN THỊ THU HOÀI (11.017.GV); PHẠM THỊ QUỲNH ANH (05.001.CV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103	2	Thực tuyến	30	0	1	20/10 - 26/10/25	VŨ THỊ KIM OANH (17.024.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
6	Cơ sở dữ liệu đất đai	QĐCT101	3	Thực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	LÊ THỊ HOA HUỆ (34.028.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	LÊ THỊ HOA HUỆ (34.028.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
7	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	MTCM171	2	Thực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM ĐỨC TIẾN (12.043.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
8	Công nghệ Java	CTKH2514	3	Trực tuyến	32	26	1	20/10 - 26/10/25	VŨ VĂN HUÂN (13.011.GV); TRẦN MINH THẮNG (26.012.CV)													1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					32	26	1	27/10 - 02/11/25	VŨ VĂN HUÂN (13.011.GV); TRẦN MINH THẮNG (26.012.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					32	26	1	03/11 - 09/11/25	VŨ VĂN HUÂN (13.011.GV); TRẦN MINH THẮNG (26.012.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến										
9	Đa dạng sinh học	MTQT104	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	BÙI SỸ BÁCH (34.003.GVC); NGUYỄN BÍCH NGỌC (12.024.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
10	Dại cương về khoa học trái đất	KDVL108	2	Trực tuyến	30	0	1	03/11 - 09/11/25	PHẠM THỊ TRANG (16.028.GV); ĐỖ THU HẠ (16.007.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
11	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	KTKM140	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN SỸ TỈNH (15.074.GV); BÙI THỊ HANH (15.220.TG)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
12	Đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm	MTDQ194	2	Trực tuyến	30	0	1	17/11 - 23/11/25	TRỊNH THỊ THẨM (12.033.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
13	Địa lý kinh tế	MTQT154	2	Trực tuyến	30	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN THỊ THU NHAN (12.026.GV); MAI HƯƠNG LAM (12.014.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
14	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	MTQT113	3	Trực tuyến	10	0	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM HỒNG TÍNH (12.045.GV); ĐOÀN THỊ LIÊN (12.063.CV)													1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					30	10	1	20/10 - 26/10/25	PHẠM HỒNG TÍNH (12.045.GV); ĐOÀN THỊ LIÊN (12.063.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
15	Digital Marketing	KTPT118	3	Trực tuyến	40	0	1	13/10 - 19/10/25	BÙI BẢ HIỆU (15.102.GV); HOÀNG THÚY TIỀN (15.211.TG)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	20/10 - 26/10/25	BÙI BẢ HIỆU (15.102.GV); HOÀNG THÚY TIỀN (15.211.TG)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
16	Định mức kinh tế kỹ thuật	MTCM162	2	Trực tuyến	25	10	1	13/10 - 19/10/25	BÙI THỊ THANH THÚY (12.042.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến					11,12,13,14	Phòng trực tuyến			6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
					25	10	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THU HUỖN (12.011.GVC); BÙI THỊ THANH THÚY (12.042.GV)			11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến			11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến		
17	Độc học môi trường	MTDQ107	2	Trực tuyến	30	0	1	27/10 - 02/11/25	BÙI THỊ THƯ (12.038.GV); LƯU VĂN HUỖN (05.010.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
18	Dữ liệu không gian tài nguyên nước	TNTD106	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	LÊ VIỆT HÙNG (23.005.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
19	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	ALT1	1	Trực tiếp	0	16	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)											1,2,3,4;7,8 ,9,10	Sân trường CS1	1,2,3,4;7,8 ,9,10	Sân trường CS1
					0	14	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)											1,2,3,4;7,8 ,9,10	Sân trường CS1	1,2,3,4;7,8	Sân trường CS1

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
20	Giáo dục thể chất 3 - Điền kinh 2	ALT2	1	Thực tiếp	0	16	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)											1,2,3,4;7,8,9,10	Sân trường CS1	1,2,3,4;7,8,9,10	Sân trường CS1
					0	14	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)											1,2,3,4;7,8,9,10	Sân trường CS1	1,2,3,4;7,8,9,10	Sân trường CS1
21	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	MTQM108	3	Thực tuyến	10	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN HÀ LINH (12.018.GV); BÙI PHƯƠNG THÚY (12.059.GV); VŨ LÊ DŨNG													1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến
					30	10	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN HÀ LINH (12.018.GV); BÙI PHƯƠNG THÚY (12.059.GV); VŨ LÊ DŨNG	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến
22	Hệ thống quản lý môi trường	MTQM120	2	Thực tuyến	30	0	1	27/10 - 02/11/25	HOÀNG THỊ THU HÒA (34.013.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
23	Hệ thống thông tin đất đai	QDCT104	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	ĐINH THỊ THANH HUYỀN (11.023.GV); LÊ THỊ HOA HUỆ (34.028.GV)					11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến	2,3,4,5;6,7,8,9	Phòng thực tuyến
24	Hóa học biển	KBQB107	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	BÙI ĐẮC THUYẾT (22.009.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
25	Hoà học đại cương	KDHH101	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	LÊ NGỌC ANH (16.002.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
26	Hóa học đất	QDKD2407	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	BÙI NGUYỄN THU HÀ (11.008.GV); NGUYỄN VIỆT MẠNH (11.091.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
27	Hóa học phân tích	MTDQ108	2	Thực tuyến	20	20	1	27/10 - 02/11/25	ĐỖ THỊ HIỀN (12.008.GV); PHẠM PHƯƠNG THẢO (12.035.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến
28	Hoá kỹ thuật môi trường	MTDQ104	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	KIỀU THỊ THU TRANG (12.047.CV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
29	Khai phá dữ liệu	CTKU108	2	Thực tuyến	30	0	1	03/11 - 09/11/25	TRẦN THỊ HUƠNG (13.013.GV); NGUYỄN THỊ HIỀN (13.009.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
30	Khoa học đất	QDKD2302	3	Thực tuyến	10	0	1	13/10 - 19/10/25	HOÀNG VĂN TUẤN (34.014.GV)													1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến
					35	0	1	20/10 - 26/10/25	HOÀNG VĂN TUẤN (34.014.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng thực tuyến
31	Khởi sự kinh doanh	KTKD101	2	Thực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THỊ NHUNG (15.128.GV); TRẦN MINH TRANG (15.215.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
32	Kinh tế bất động sản	QDKQ117	2	Thực tuyến	10	0	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN VIỆT MẠNH (11.091.TG)											1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		
					20	0	1	27/10 - 02/11/25	VŨ HÀI HÀ (11.009.GV); NGUYỄN VIỆT MẠNH (11.091.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến				
33	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LCML102	2	Thực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	ĐINH THỊ NHƯ TRANG (17.033.GV); NGUYỄN THỊ KIM THU (17.050.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	11,12,13,14	Phòng thực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng thực tuyến		

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
34	Kinh tế vi mô	KTKH101	3	Trực tuyến	45	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN SỸ TỈNH (15.074.GV),LÊ THANH HẢI (34.025.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
					45	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN SỸ TỈNH (15.074.GV),LÊ THANH HẢI (34.025.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
35	Kinh tế vĩ mô	KTKH102	3	Trực tuyến	45	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THỊ ĐOÀN HIỀN (26.004.CV),MAC MỸ LINH (15.205.TG)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
					45	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN THỊ ĐOÀN HIỀN (26.004.CV),MAC MỸ LINH (15.205.TG)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
36	Kỹ năng mềm- BDKH	BKPB101	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	ĐINH THỊ HÀ GIANG (24.004.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
37	Kỹ năng mềm- QĐ	QDQB101	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THỊ LÝ (11.048.GV)					11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;7,8,9,10	Phòng trực tuyến
38	Kỹ năng mềm- TD	TBDT129	2	Trực tuyến	10	0	1	27/10 - 02/11/25	PHẠM THỊ THU HƯƠNG (10.013.GV)											1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
					20	0	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG (10.008.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến				
39	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	MTQT114	2	Trực tuyến	25	10	1	06/10 - 12/10/25	BÙI ĐỨC TẤN (34.002.GV); NGUYỄN THỊ LÝ (12.062.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
40	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	MTDQ177	3	Trực tuyến	10	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THÀNH TRUNG (12.049.GV)													1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					35	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THÀNH TRUNG (12.049.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
41	Kỹ thuật điện tử số	CTKM106	2	Trực tuyến	22	16	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM THỊ HỒNG THU (13.032.GV); NGUYỄN THỊ HIỀN (13.009.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	2,3,4,5;7,8,9,10	Phòng trực tuyến
42	Kỹ thuật đồ họa máy tính	CTKT2305	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM THỊ HỒNG THU (13.032.GV); ĐỖ THỊ NỤ (34.010.GVC)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
43	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	TNTD122	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	TÀ THỊ THOẢNG (23.014.GV); TRẦN THÀNH LÊ (23.007.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
44	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	LCPL2315	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	VŨ THỊ THỦY DUNG (17.007.GV); ĐINH THỊ THỦY (17.073.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
45	Kỹ thuật xử lý khí thải	MTCM124	3	Trực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	MAI QUANG TUẤN (12.052.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	MAI QUANG TUẤN (12.052.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
46	Kỹ thuật xử lý nước cấp	MTCM118	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG (12.004.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
47	Linux và phần mềm nguồn mở	CTKH2518	2	Trực tuyến	23	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN VĂN SUYÊN (13.048.GV); NGUYỄN THÀNH LONG (13.038.GV)								11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9	Phòng trực tuyến	
					14	16	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN VĂN SUYÊN (13.048.GV); NGUYỄN THÀNH LONG (13.038.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
48	Luật Hình sự 2	LCPL112	3	Trực tuyến	32	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN QUÝ PHƯƠNG ANH (17.044.GV)				11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	
					13	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN QUÝ PHƯƠNG ANH (17.044.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến								
49	Luật học so sánh	LCPL103	3	Trực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THI (17.065.GVC); NGUYỄN THỊ ĐỒNG HÀ (17.069.TG)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THI (17.065.GVC); NGUYỄN THỊ ĐỒNG HÀ (17.069.TG)	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến												
50	Luật Lao động	LCPL122	3	Trực tuyến	40	0	1	10/11 - 16/11/25	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH (17.040.GV); NGUYỄN THỦY DUNG (17.075.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	17/11 - 23/11/25	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH (17.040.GV); NGUYỄN THỦY DUNG (17.075.GV)	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến												
51	Luật Môi trường	LCPL124	3	Trực tuyến	40	0	1	03/11 - 09/11/25	TRẦN LỆ THU (17.029.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	10/11 - 16/11/25	TRẦN LỆ THU (17.029.GV)	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến												
52	Luật Thương mại 2	LCPL118	3	Trực tuyến	36	0	1	10/11 - 16/11/25	TỔNG THỊ HUỖN TRANG (17.042.GV); LÊ THỊ THU HANH (17.067.GV)			11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					9	0	1	17/11 - 23/11/25	TỔNG THỊ HUỖN TRANG (17.042.GV); LÊ THỊ THU HANH (17.067.GV)	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến										
53	Luật Tố tụng dân sự	LCPL116	3	Trực tuyến	24	0	1	20/10 - 26/10/25	NGÔ THẾ ANH (17.049.GV); LÊ HỒNG LAM (17.064.TG)								11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	
					21	0	1	27/10 - 02/11/25	NGÔ THẾ ANH (17.049.GV); LÊ HỒNG LAM (17.064.TG)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14,15	Phòng trực tuyến				
54	Luật Xây dựng và nhà ở	LCPL2536	2	Trực tuyến	30	0	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH (17.040.GV); NGUYỄN THANH HIỀN (17.010.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
55	Lý thuyết sai số	TBTD103	2	Trực tuyến	30	0	1	20/10 - 26/10/25	NINH THỊ KIM ANH (10.001.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
56	Mạng lưới thoát nước đô thị và khu công nghiệp	MTCM143	2	Trực tuyến	30	0	1	27/10 - 02/11/25	NGUYỄN PHƯƠNG TÚ (12.051.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
57	Marketing căn bản	KTPT101	3	Trực tuyến	45	0	1	20/10 - 26/10/25	TRẦN THỊ HUỖN TRANG (15.129.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
					45	0	1	27/10 - 02/11/25	TRẦN THỊ HUỖN TRANG (15.129.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
58	Nghe-Nói 3	NNTA120	4	Trực tuyến	60	0	2	13/10 - 26/10/25	NGÔ THỊ HÀ (21.004.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
59	Ngôn ngữ SQL	CTKH2512	2	Trực tuyến	25	10	1	13/10 - 19/10/25	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH (13.016.GV); NGUYỄN THỊ HIỀN (13.009.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
60	Phân tích hoạt động kinh doanh	KTKD119	3	Trực tuyến	40	0	1	13/10 - 19/10/25	LÊ THỊ NHƯ HẰNG (34.032.GV); ĐÌNH HỮU HÙNG (27.006.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	20/10 - 26/10/25	ĐÌNH HỮU HÙNG (27.006.CV); LÊ THỊ NHƯ HẰNG (34.032.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
61	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	LCPL125	2	Trực tuyến	30	0	1	17/11 - 23/11/25	PHAN CHÍ TRUNG (17.066.TG); LÂM VĂN THÁI LỘC (17.062.TG)			11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4	Phòng trực tuyến
62	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	CTKU105	3	Trực tuyến	20	0	1	20/10 - 26/10/25	PHẠM THỊ THANH THỦY (13.025.GV); VŨ NGỌC PHAN (13.021.GV)											1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					15	20	1	27/10 - 02/11/25	PHẠM THỊ THANH THỦY (13.025.GV); VŨ NGỌC PHAN (13.021.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
63	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	CTKM114	3	Trực tuyến	35	5	1	13/10 - 19/10/25	TRƯƠNG MẠNH ĐẠT (13.043.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					0	15	1	20/10 - 26/10/25	TRƯƠNG MẠNH ĐẠT (13.043.GV); PHẠM HỒNG HẢI (13.045.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13	Phòng trực tuyến						
64	Phát triển ứng dụng mạng	CTKH2517	3	Trực tuyến	35	5	1	06/10 - 12/10/25	TRƯƠNG MẠNH ĐẠT (13.043.GV); PHẠM HỒNG HẢI (13.045.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					0	15	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM HỒNG HẢI (13.045.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13	Phòng trực tuyến						
65	Phát triển ứng dụng với WCF	CTKH2828	3	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	VŨ VĂN HUÂN (13.011.GV); BÙI TẢ HẬU (13.041.GV)					11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9	Phòng trực tuyến
					2	26	1	20/10 - 26/10/25	VŨ VĂN HUÂN (13.011.GV); BÙI TẢ HẬU (13.041.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	2,3,4,5,6,7,8,9	Phòng trực tuyến		
66	Phong thủy trong bất động sản	QDKQ116	2	Trực tuyến	25	10	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN THỊ HẰNG (11.012.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
67	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	QDKQ102	2	Trực tuyến	30	0	1	27/10 - 02/11/25	LÊ TIẾN DUY (34.024.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
68	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	MTCM107	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THỊ BÌNH MINH (12.023.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
69	Quan trắc và phân tích môi trường	MTDQ112	3	Trực tuyến	30	30	2	13/10 - 26/10/25	TRINH KIM YẾN (12.056.GV); LÊ VĂN SƠN (12.031.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
70	Quản trị học	KTKD105	3	Trực tuyến	45	0	1	06/10 - 12/10/25	PHẠM THỊ HUỖN (14.006.CV); NGUYỄN KIỀU ANH (15.137.TG)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
					45	0	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM THỊ HUỖN (14.006.CV); NGUYỄN KIỀU ANH (15.137.TG)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
71	Quản trị kinh doanh khách sạn	KTDL128	3	Trực tuyến	30	30	1	06/10 - 12/10/25	ĐÀO THỊ THƯƠNG (15.05.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
					30	30	1	13/10 - 19/10/25	ĐÀO THỊ THƯƠNG (15.05.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
72	Quản trị tác nghiệp	KTKD117	3	Trực tuyến	45	0	1	13/10 - 19/10/25	TRẦN TRUNG DŨNG (15.008.GV); NGUYỄN QUỐC ĐẠT (15.145.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	20/10 - 26/10/25	TRẦN TRUNG DŨNG (15.008.GV); NGUYỄN QUỐC ĐẠT (15.145.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
73	Sinh thái học	MTQT102	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	BÙI THỊ THU TRANG (12.046.GV); NGUYỄN THỊ THU TRANG (10.027.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
74	Sử dụng đất và kinh tế đất	QDKQ108	2	Trực tuyến	30	0	1	03/11 - 09/11/25	TRƯƠNG ĐÌNH LỘC (05.020.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
75	Tài chính - tiền tệ	KTKT101	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	NGO MINH TRANG (15.058.CV); NGUYỄN THỊ BÌNH (15.217.TG)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS	
76	Tâm lý học đại cương	LCML2107	2	Trực tuyến	25	0	1	06/10 - 12/10/25	VŨ THỊ MẠC DUNG (17.006.GVC)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
					5	0	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THỊ QUỲ (17.026.GV)											1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến		
77	Thanh tra đất đai và xây dựng	QĐQB115	3	Trực tuyến	10	0	1	03/11 - 09/11/25	TRẦN THỊ HÒA (11.016.GV)											1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
					30	0	1	03/11 - 09/11/25	PHẠM MINH NGỌC (05.013.CV); TRẦN THỊ HÒA (11.016.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến			1,2,3,4,5;6,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	10/11 - 16/11/25	PHẠM MINH NGỌC (05.013.CV); TRẦN THỊ HÒA (11.016.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
78	Thống kê bất động sản	QĐQB132	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	PHẠM THỊ QUỲNH ANH (05.001.CV)					11,12,13,14		11,12,13,14		11,12,13,14		1,2,3,4,5;7,8,9,10		1,2,3,4,5;7,8,9,10	
79	Thực tập đo đạc địa chính	TBTD133	3	Trực tiếp	0	0	4	13/10 - 09/11/25	CAO MINH THỦY (10.024.GV)	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa				

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần														
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học	
80	Thực tập trắc địa cơ sở	TBTĐ131	2	Thực tiếp	0	0	2	27/10 - 09/11/25	LÊ ANH CƯỜNG (10.004.GV), PHẠM THỊ THU HƯƠNG (10.013.GV)	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa					
					0	0	1	10/11 - 16/11/25	LÊ ANH CƯỜNG (10.004.GV), PHẠM THỊ THU HƯƠNG (10.013.GV)	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa	Cả ngày	Thực địa					
81	Tiếng anh 1	NNTA2101	3	Thực tuyển	10	0	1	06/10 - 12/10/25	TRINH THỊ VIỆT HƯƠNG (34.083.GV)													1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	
					35	0	1	13/10 - 19/10/25	TRINH THỊ VIỆT HƯƠNG (34.083.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5	Phòng thực tuyển	
82	Tiếng Anh 2	NNTA102	3	Thực tuyển	20	0	1	06/10 - 12/10/25	LÊ THỊ PHÚC YẾN (34.033.GV)												1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển
					20	0	1	06/10 - 12/10/25	MAI THỊ NGÂN (34.036.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển					
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	MAI THỊ NGÂN (34.036.GV)	11,12,13,14,15	Phòng thực tuyển													
83	Tiếng Anh 3	NNTA103	2	Thực tuyển	30	0	1	13/10 - 19/10/25	MAI THỊ THANH (34.039.GV)					11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	
84	Tiếng anh chuyên ngành	KBQB106	3	Thực tuyển	10	0	1	13/10 - 19/10/25	LÊ VĂN THIÊN (22.008.GV)													1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	
					35	0	1	20/10 - 26/10/25	LÊ VĂN THIÊN (22.008.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5	Phòng thực tuyển	
85	Tiếng Trung 3	NNTA106	2	Thực tuyển	30	0	1	06/10 - 12/10/25	ĐINH THỊ THU HƯƠNG (99.026.TG); NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG (21.036.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển			
86	Tin học đại cương	CTKU101	2	Thực tuyển	21	18	1	20/10 - 26/10/25	NGUYỄN THỊ HIỀN (13.009.GV), ĐẶNG HỮU MẠNH (28.013.GV)	LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		LMS		
87	Tin học ứng dụng 1	QDCT112	3	Thực tuyển	30	30	2	06/10 - 19/10/25	VÕ NGỌC HẢI (11.010.GV); HOÀNG VĂN HIỆP (11.093.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển			
88	Tin học ứng dụng 2	QDCT113	3	Thực tuyển	30	30	2	20/10 - 02/11/25	ĐẶNG THU HẰNG (11.011.GV); HOÀNG VĂN HIỆP (11.093.TG)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển			
89	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1(*)	QDCT102	3	Thực tuyển	30	30	2	13/10 - 26/10/25	ĐỖ NHƯ HIỆP (11.015.GV)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển			
90	Tin học ứng dụng trong Tài nguyên và Môi trường	CTKU112	3	Thực tuyển	10	0	1	03/11 - 09/11/25	LÊ THỊ THU HÀ (13.007.GV); ĐỖ THỊ NỤ (34.010.GVC)													1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	
					25	15	1	10/11 - 16/11/25	LÊ THỊ THU HÀ (13.007.GV); ĐỖ THỊ NỤ (34.010.GVC)	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	11,12,13,14	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Phòng thực tuyển	
					0	5	1	17/11 - 23/11/25	LÊ THỊ THU HÀ (13.007.GV); ĐỖ THỊ NỤ (34.010.GVC)	11,12,13,14,15	Phòng thực tuyển													

STT	Tên lớp học phần	Mã học phần	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần													
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ Bảy	Phòng học	Chủ Nhật	Phòng học
91	Tinh toán mềm	CTKH2829	3	Trực tuyến	32	0	1	03/11 - 09/11/25	NGUYỄN VĂN HÁCH (13.008.GV); LÊ PHÚ HUNG (13.012.GV)					11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					13	0	1	10/11 - 16/11/25	NGUYỄN VĂN HÁCH (13.008.GV); LÊ PHÚ HUNG (13.012.GV)	11,12,13	Phòng trực tuyến	11,12,13	Phòng trực tuyến	11,12,13	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến						
92	Toán cao cấp	KDTO104	2	Trực tuyến	30	0	1	06/10 - 12/10/25	TRƯƠNG THỊ HUỠNG (16.016.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
93	Toán ứng dụng	KDTO116	2	Trực tuyến	30	0	1	27/10 - 02/11/25	ĐOÀN THỊ THANH HUỲNH (16.018.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
94	Trắc địa cơ sở	TBTD101	4	Trực tuyến	60	0	2	06/10 - 19/10/25	LÊ ANH CƯỜNG (10.004.GV); TRẦN THỊ THU TRANG (10.025.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
95	Trắc địa cơ sở	TBTD136	2	Trực tuyến	25	10	1	06/10 - 12/10/25	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG (10.008.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5	Phòng trực tuyến
96	Triết học Mác-Lênin	LCML101	3	Trực tuyến	40	0	1	06/10 - 12/10/25	NGÔ QUANG DUY (17.008.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
					5	0	1	13/10 - 19/10/25	NGÔ QUANG DUY (17.008.GV)	11,12,13,14, 15	Phòng trực tuyến												
97	Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm	MTDQ188	2	Trực tuyến	30	0	1	10/11 - 16/11/25	PHẠM BÁ VIỆT ANH (12.001.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		
98	Vi sinh vật học thực phẩm	MTDQ178	2	Trực tuyến	20	20	1	20/10 - 26/10/25	LÊ THANH HUỲNH (12.012.GVC); NGUYỄN THỊ VINH HẰNG (08.003.CV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến
99	Xác suất thống kê	KDTO106	2	Trực tuyến	30	0	1	13/10 - 19/10/25	NGUYỄN THỊ HUỲNH (16.019.GV); BUI THỊ NHA TRANG (16.027.GV)	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	11,12,13,14	Phòng trực tuyến	1,2,3,4,5;6 ,7,8,9,10	Phòng trực tuyến		

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc giảng viên, sinh viên liên hệ thầy Trần Ánh Dương (Cán bộ phòng Đào tạo), Số điện thoại: 0973750090 để được hỗ trợ

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên;
- Trưởng các đơn vị thuộc Trường;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu: VT, ĐT.TD (2)

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy